

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 12/10/2021

“V/v Ly hôn và tranh chấp nuôi
con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH TRÀ VINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trang

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Khoa

2. Ông Nguyễn Thành Công

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Văn Dư, Thư ký Tòa án nhân dân huyện C.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên tòa: ông Huỳnh Thanh Huân - Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 168/2021/TLST-HNGĐ, ngày 20 tháng 4 năm 2021 về việc “Ly hôn và tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 143/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 9 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số: 39/2021/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 9 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1985 (Có đơn yêu cầu vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1980 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 03/3/2021, bản tự khai và tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 27/5/2021 chị Nguyễn Thị L có lời trình bày như sau: Chị và anh Nguyễn Văn D quen biết tìm hiểu nhau quyết định tiến đến hôn nhân, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán vào năm 2006 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh vào năm 2012. Sau khi cưới, vợ chồng chị sống tại ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến khoảng năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân

do bất đồng quan điểm trong cuộc sống và anh D, không lo làm ăn, không quan tâm chăm sóc gia đình nên từ tháng 6 năm 2018 vợ chồng ly thân cho đến nay.

Nay nhận thấy cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nữa nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn D.

Về con chung: Quá trình chung sống, chị và anh D có một người con chung là Nguyễn Quốc M, sinh ngày 01/12/2006, hiện nay cháu M sống chung với anh D. Khi ly hôn, việc nuôi con, chị L yêu cầu giải quyết theo nguyện vọng của con. Nếu cháu M sống chung với chị thì chị đồng ý nuôi dưỡng và chưa yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con. Nếu cháu M sống chung với anh D thì chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng bằng 1.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Chị L không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Quá trình chung sống, chị và anh D không có thiếu nợ ai và cũng không ai thiếu nợ vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 27/5/2021 anh Nguyễn Văn D có lời trình bày như sau: Anh thống nhất lời trình bày của vợ anh là chị Nguyễn Thị L về việc kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng, về con chung, về tài sản chung và về nợ chung là đúng anh không trình bày thêm.

Nay anh đồng ý ly hôn với chị L vì anh nhận thấy cuộc sống hôn nhân giữa anh và chị L không thể tiếp tục được nữa.

Về con chung: Sau khi ly hôn, nếu cháu Nguyễn Quốc M có nguyện vọng sống chung với anh thì anh đồng ý nuôi dưỡng và không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con, cũng không cho phép chị L cho tiền riêng cháu M và chị L cũng không được phép thăm con.

Về tài sản chung: Anh không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Quá trình chung sống, vợ chồng không có thiếu nợ ai và cũng không ai thiếu nợ vợ chồng.

Ý kiến của Vị đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện C:

Về tố tụng: Thẩm phán tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng đầy đủ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, trình tự khi thụ lý vụ án, việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát, đã thu thập chứng cứ đầy đủ, thời hạn chuẩn bị xét xử đúng quy định. Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với đương sự, nguyên đơn chị Nguyễn Thị L chấp hành nghiêm quyền, nghĩa vụ tố tụng. Bị đơn anh Nguyễn Văn D chưa thực hiện nghiêm quyền và nghĩa vụ của mình, anh D đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Vì vậy, căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 19, 51, 53, 55, 81, 82, 83, và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị L. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn D.

Về con chung, giao cháu Nguyễn Quốc M cho anh D tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục theo nguyện vọng của cháu M; chị L không phải cấp dưỡng nuôi con do anh D chưa có yêu cầu. Về tài sản chung chị L và anh D không có tranh chấp; về nợ chung chị L và anh D khai không có nên đề nghị không xét; Về án phí buộc chị L và anh D mỗi người phải chịu 50% án phí sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của người tham gia tố tụng, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết*: Chị Nguyễn Thị L khởi kiện yêu cầu giải quyết cho chị được ly hôn và giải quyết việc nuôi con chung với anh Nguyễn Văn D có nơi cư trú tại ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định đây là vụ án “*Ly hôn và tranh chấp nuôi con*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh.

[2]. *Về thủ tục tố tụng*: Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn D đã được tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 143/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 9 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số: 39/2021/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 9 năm 2021 và Giấy triệu tập đương sự. Tại phiên tòa, chị L vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt chị; anh D vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[3]. *Về hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn D tự nguyện kết hôn vào năm 2012 và được Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 88 ngày 02 tháng 11 năm 2012. Do đó, theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xác định hôn nhân của chị L và anh D là hợp pháp.

Sau khi kết hôn, chị L và anh D sống chung hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng không tin tưởng nhau, anh D không lo làm ăn, không quan tâm chăm sóc gia đình, chị L khuyên ngăn nhiều lần anh D vẫn không sửa đổi dẫn đến tình cảm vợ chồng dần phai nhạt, không còn quan tâm đến nhau, chị L và anh D sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 27/5/2021 chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn D tự nguyện thuận tình ly hôn.

Xét thấy, mâu thuẫn tình cảm giữa chị L và anh D đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nữa. Bởi lẽ, theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, ...*” Nhưng khi mâu thuẫn xảy ra chị L và anh D không tìm giải pháp khắc phục mà ly thân mỗi người sống một nơi không còn quan tâm gì đến nhau từ năm 2018 đến nay đã 03 năm. Hơn nữa, qua kết quả xác minh,

đại diện chính quyền địa phương cung cấp, chị L và anh D cũng sống ly hôn nhiều năm nay khó hàn gắn. Điều này chứng tỏ hôn nhân của chị L và anh D đã thật sự lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nữa nên việc thuận tình ly hôn giữa chị L và anh D là có căn cứ phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình nên được công nhận.

[4]. *Về con chung*: Quá trình chung sống, chị L và anh D có một người con chung là Nguyễn Quốc M, sinh ngày 01/12/2006 hiện đang sống chung với anh D. Quá trình làm việc tại Tòa án, cháu M có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với anh D sau khi chị L và anh D ly hôn, anh D cũng thống nhất nuôi con. Xét nguyện vọng của cháu M là phù hợp với quy định của pháp luật và thực tế cuộc sống. Bởi vì, từ khi vợ chồng ly thân, anh D trực tiếp nuôi dưỡng con chung, đã cho con được sống trong môi trường thuận lợi nhất cho sự phát triển của con về thể chất lẫn tinh thần, thể hiện cháu M đã hoàn thành chương trình lớp 8 và tiếp tục chương trình lớp 9. Do đó, Tòa chấp nhận cho anh D được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Vì lợi ích của con khi cần thiết và có yêu cầu của các bên Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[5]. *Về cấp dưỡng nuôi con*: Anh D chưa đặt yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con nên Tòa không xem xét.

[6]. *Về tài sản chung*: Chị L và anh D không đặt ra yêu cầu giải quyết nên Tòa không xét.

[7]. *Về nợ chung*: Chị L và anh D khai không có, Tòa không xét.

[8]. *Về án phí*: Chị L và anh D thuận tình ly hôn và không thuộc trường hợp được miễn, giảm án phí nên phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 19, 51, 53, 55, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 17 Luật phí và lệ phí; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị L.

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn D.

Về con chung: Anh Nguyễn Văn D được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Nguyễn Quốc M, sinh ngày 01/12/2006.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Vì lợi ích của con khi cần thiết và có yêu cầu của các bên Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh D chưa đặt yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con nên Tòa không xem xét.

Về tài sản chung: Chị L và anh D không đặt ra yêu cầu giải quyết nên Tòa không xem xét.

Về nợ chung: Chị L và anh D khai không có, Tòa không xem xét.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn D mỗi người phải chịu 75.000 đồng (*Bảy mươi lăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân sơ thẩm. Số tiền án phí của chị L phải nộp được căn trừ vào 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005146 ngày 14 tháng 4 năm 2021 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện C thu, chị L được nhận lại 225.000 đồng (*Hai trăm, hai mươi lăm nghìn đồng*) tiền chênh lệch.

Về quyền kháng cáo: Chị L và anh D vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện, tỉnh;
- CCTHADS huyện;
- UBND xã Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký**

Nguyễn Thị Trang

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Khoa

Nguyễn Thành Công

Nguyễn Thị Trang